

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện Hà Trung**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường: số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ các Quyết nghị của Hội đồng nhân dân tỉnh tại các Nghị quyết: số 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2022; số 384/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; số 412/NQ-HĐND ngày 12/07/2023; số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; số 475/NQ-HĐND ngày 14/12/2023; số 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024; số 547/NQ-HĐND ngày 31/5/2024; số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/2024; số 559/NQ-HĐND ngày 30/7/2024; số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024; số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024; số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; số 2598/QĐ-UBND ngày 20/7/2023; số 214/QĐ-UBND ngày 12/01/2024; số 4179/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 về việc phê duyệt, điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng*

đất trong Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện; số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, huyện Hà Trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 89/TTr-STNMT ngày 26/3/2025 (kèm theo hồ sơ có liên quan).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện Hà Trung với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	<b>Tổng diện tích</b>		<b>24.393,86</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	16.612,82
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.757,94
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.023,10

*(Chi tiết theo Phụ biểu số I đính kèm)*

2. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	<b>Tổng cộng</b>		<b>189,12</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	189,12

*(Chi tiết theo Phụ biểu số II đính kèm)*

3. Kế hoạch thu hồi các loại đất

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	489,01
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	31,03

*(Chi tiết theo Phụ biểu số III đính kèm)*

4. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	<b>Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp</b>	NNP/PNN	<b>453,07</b>
	<i>Trong đó:</i>		

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	124,53
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	93,73
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	24,88
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	2,62
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	199,60
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	6,92
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,78
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>	-	<b>30,54</b>
<b>3</b>	<b>Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn</b>	MHT/CNT	
<b>4</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp</b>		<b>6,01</b>

(Chi tiết theo Phụ biểu số IV đính kèm)

5. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025: Chi tiết theo Phụ biểu số V đính kèm.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

### 1. Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung.

a) Tổ chức thực hiện và công bố, công khai hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện Hà Trung; đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người sử dụng đất nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về xác định ranh giới, chỉ tiêu của từng loại đất; không gian kế hoạch sử dụng đất; công khai diện tích bảo vệ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã được xác định trong kế hoạch sử dụng đất. Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển

mục đích sử dụng rừng để báo cáo Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận theo thẩm quyền và quy định của pháp luật làm căn cứ để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất của thành phố, của tỉnh.

d) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trách nhiệm quản lý Nhà nước về đất đai; quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về sử dụng đất; kiên quyết không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất theo thẩm quyền đối với các trường hợp không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

e) Chủ động cân đối, bố trí, huy động các nguồn lực để thực hiện hiệu quả điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất của huyện. Khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, khắc phục triệt để tình trạng bỏ hoang đất đã giao và đã cho thuê. Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quỹ đất được quy hoạch phát triển đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo đúng kế hoạch sử dụng đất, khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu sử dụng đất giữa đất ở với đất xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

f) Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo và đánh giá cụ thể kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

## 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong tham mưu quản lý Nhà nước về đất đai, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ và tài liệu, số liệu liên quan đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện Hà Trung, sự phù hợp với hồ sơ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, với chỉ tiêu chuyên mục đích sử dụng của từng loại đất, loại rừng trong kế hoạch sử dụng đất được thẩm định; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện; kiên quyết không giải quyết hoặc tham mưu giải quyết việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với các trường hợp không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, xử lý các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của pháp luật.

b) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện, làm rõ những hạn chế, khó khăn, đề xuất được các biện pháp khắc phục trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện theo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện Hà Trung theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; UBND huyện Hà Trung và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3, Quyết định;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Huyện ủy, HĐND huyện Hà Trung;
- Lưu: VT, NN.

(MC23.03.25)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**





































**Phụ biểu số IV.2****Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Trung***(Kèm theo Quyết định số 934 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: ha*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Xã Hà Ngọc	Xã Hà Sơn	Xã Hà Tân	Xã Hà Tiến	Xã Hà Vinh	Xã Hoạt Giang	Xã Lĩnh Toại	Xã Thái Lai	Xã Yên Dương	Xã Yên Sơn
<b>1</b>	<b>Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>453,07</b>	<b>4,04</b>	<b>35,74</b>	<b>11,08</b>	<b>6,30</b>	<b>90,42</b>	<b>0,95</b>	<b>10,98</b>	<b>5,13</b>	<b>13,76</b>	<b>20,85</b>
	<i>Trong đó:</i>	-											
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	124,53	4,04	5,64	3,47	0,05	0,84	0,54	10,90	3,55	11,12	9,21
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	93,73		0,80	0,003	0,71			0,01	1,53	0,003	2,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	24,88		0,33	0,003				0,08	0,05	0,01	0,03
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN											
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	2,62		0,51								0,50
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	199,60		27,19	7,60	5,54	89,47					9,08
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	6,92		1,03	0,00			0,41	0,00		2,62	0,02
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN											
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN											
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,78		0,25			0,10					
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>30,54</b>		<b>26,81</b>				<b>2,53</b>				
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	1,20										
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP											
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP											
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	29,34		26,81				2,53				



## Phụ biểu số V

## Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025, huyện Hà Trung

(Kèm theo Quyết định số 934 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
I	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch									
1.1	<b>Đất quốc phòng</b>									
1	Công trình đất quốc phòng	4,00	4,00		4,00	CQP	Các xã Hà Bình, Hà Tân, Yên Sơn	Khu vực đất lâm nghiệp	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Công trình đất quốc phòng	2,00	2,00		2,00	CQP	Xã Yên Sơn	Khu vực đất lâm nghiệp	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
1.2	<b>Đất an ninh</b>									
1	Xây dựng Trụ sở Công an thị trấn	0,12	0,12		0,12	CAN	Thị trấn Hà Trung	Thửa số 208, 209, 188, 988 tờ số 17 (BDDC Hà Phong cũ)	Nghị quyết số 559/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Hà Bắc	Thửa số 977, 1008, 1009, 1045 tờ số 21		Chuyển tiếp
3	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Hà Bình	Thửa số 610, 611, 612 tờ số 25		Chuyển tiếp
4	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Hoạt Giang	Thửa số 690, 711, 733, 734, 752 tờ số 20 (BDDC Hà Vân cũ)		Chuyển tiếp
5	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Hà Giang	Thửa số 507, 508, 543, 544, 549, 553, 561, 575, 576 tờ số 25		Chuyển tiếp
6	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,20	0,20		0,20	CAN	Xã Yên Dương	Thửa số 420, 427, 434 tờ số 12 (BDDC Hà Dương cũ)		Chuyển tiếp
7	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Thái Lai (Xã Hà Lai cũ)	Thửa số 247, 256 tờ số 19		Chuyển tiếp



TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
8	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,12	0,12		0,12	CAN	Thị trấn Hà Long	Thửa số 679, 761, 845 tờ số 75	Thông báo số 6421/TB-H01-P4 ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Cục Kế hoạch và Tài chính Bộ Công an thông báo Chỉ tiêu bổ sung kinh phí năm 2024; Văn bản số 3594/CAT-PH10 ngày 8 tháng 10 năm 2024 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc cập nhật Kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024, 2025	Chuyển tiếp
9	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Hà Sơn	Thửa số 37, 38, 39, 41 tờ số 42; Thửa số 304, 325 tờ số 43		Chuyển tiếp
10	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,24	0,24		0,24	CAN	Xã Lĩnh Toại	Thửa số 597, 301 tờ số 10 (BDDC Hà Toại cũ); Thửa số 723, 724, 797 tờ số 11 (BDDC Hà Toại cũ)		Chuyển tiếp
11	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Hà Đông	Thửa số 137, 152, 263 tờ số 21		Chuyển tiếp
12	Xây dựng Trụ sở Công an xã	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Hà Ngọc	Thửa số 548 tờ số 14; thửa số 28, 29 tờ 17		Chuyển tiếp
<b>1.3</b>	<b>Đất khu công nghiệp</b>									
1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Bắc khu A - khu công nghiệp Bim Sơn (khu công nghiệp Hà Long)	50,03	50,03		50,03	SKK	Thị trấn Hà Long	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 58, 59, 66 và Bản đồ lâm nghiệp	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.4</b>	<b>Đất cụm công nghiệp</b>									
1	Cụm công nghiệp Hà Long 1	74,80	74,80		74,80	SKN	Thị trấn Hà Long	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 67, 68, 72, 73, 74	Các Nghị quyết: số 384/NQ-HĐND ngày 24/03/2023; số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Cụm công nghiệp Hà Lĩnh II	23,80	23,80		23,80	SKN	Thị trấn Hà Lĩnh	Trích lục số 286/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 26/5/2021	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.5</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>									
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Bình Sơn thị trấn Hà Trung	8,52	8,52	5,30	2,35 0,56 0,30	ONT; ODT DKV DGT	Thị trấn Hà Trung, các xã: Hà Bình, Yên Sơn	Trích lục số 209/TLBĐ do Chỉnh nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 08/03/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp



TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đền cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
1	Khu dân cư Đồng Hưng	3,92	3,92	3,81	0,11	ONT	Xã Yên Sơn	Trích lục số 164/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 19/5/2021	Các Nghị quyết: số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/2024; số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024; số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Khu dân cư Đồng Quán	0,75	0,75		0,65	ONT	Xã Yên Sơn	Trích lục số 175/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 21/5/2021	Các Nghị quyết: số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024; số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
				0,10	DGT					
3	Khu dân cư phía Đông thị trấn Hà Trung	9,58	9,58		4,29	ONT	Xã Yên Sơn	Trích lục số 296/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 01/06/2021	Các Nghị quyết: số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023; số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
				0,80	DKV					
				0,12	DTT					
				4,36	DGT					
<b>1.6.2</b>	<b>Xã Thái Lai</b>									
1	Khu dân cư Đồng Ông Xém	0,84	0,84		0,67	ONT	Xã Thái Lai (Xã Hà Thái cũ)	Trích lục số 369/TLBĐ do của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 2/7/2021	Các Nghị quyết: số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
				0,17	DGT					
2	Khu dân cư khu trung tâm xã Hà Lai	0,40	0,40		0,40	ONT	Xã Thái Lai (Xã Hà Lai cũ)	Trích lục số 235/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 09/6/2021	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 10/7/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất ở xen cư khu trung tâm xã Hà Lai, huyện Hà Trung	0,11	0,11	0,06	0,05	ONT	Xã Thái Lai (Xã Hà Lai cũ)	Trích lục số 188/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 7/4/2023	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.6.3</b>	<b>Xã Yên Dương</b>									
1	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính xã Yên Dương (Hạng mục điều chỉnh bổ sung)	5,32	5,32	2,31	3,00	DGT	Xã Yên Dương	Trích lục số 1188/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 15/9/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
		0,22	0,22		0,22	DTL	Xã Yên Dương			
<b>1.6.4</b>	<b>Xã Hoạt Giang</b>									
1	Điểm dân cư Đồng Năn thôn Thanh Sơn	0,82	0,82		0,54	ONT	Xã Hoạt Giang	Trích lục số 707/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 12/10/2020	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
				0,28	DGT					

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
<b>1.6.5 Xã Hà Bình</b>										
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Nhân Lý, xã Hà Bình	1,70	1,70		1,70	ONT	Xã Hà Bình	Thửa số 471-761 tờ số 31; Bản đồ Lâm nghiệp xã Hà Bình	Các Nghị quyết: số 385 /NQ-HĐND ngày 24/3/2023; số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.6.6 Xã Hà Tiến</b>										
1	Điểm dân cư nông thôn khu Đông Sồi thôn Đàm Sen	0,90	0,90		0,55	ONT	Xã Hà Tiến	Trích lục số 280/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 02/7/2021	Nghị quyết số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
					0,35	DGT				
<b>1.6.7 Xã Hà Bắc</b>										
1	Khu dân cư Mạ Bái, thôn Trang Sơn, xã Hà Bắc	1,22	1,22		0,63	ONT	Xã Hà Bắc	Trích lục số 188/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 21/5/2021	Các Nghị quyết: số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024; số 547/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
					0,59	DGT				
<b>1.6.8 Xã Hà Đông</b>										
1	Đất ở xen cư khu thôn Kim Môn (khu vực ao lèn)	0,23	0,23		0,14	ONT	Xã Hà Đông	Trích lục số 08/TLBĐ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hà Trung lập ngày 16/7/2019	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
					0,09	DGT				
<b>1.6.9 Xã Hà Sơn</b>										
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hà Sơn, huyện Hà Trung để phục vụ dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45 thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020	0,10	0,10		0,10	DGT	Xã Hà Sơn	Thửa số 87-233, 696 tờ số 30	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Khu dân cư mới Đông Hang (giai đoạn 3)	6,09	6,09	2,29	3,00	ONT	Xã Hà Sơn	Trích lục số 667/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 14/10/2021	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
					0,80	DGT				

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
3	Hạ tầng kỹ thuật điểm xen cư Đồng Ấp, thôn Ngọc Sơn, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	0,40	0,40		0,40	ONT	Xã Hà Sơn	Các: Trích lục BĐ số 179/TLBĐ ngày 24/5/2021; số 358/TLBĐ ngày 29/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.6.10</b>	<b>Xã Hà Vinh</b>									
1	Khu dân cư Hói Lỗ - Địa La - Cổ Ngựa	7,47	7,47	6,32	1,14	ONT	Xã Hà Vinh	Trích lục số 371/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 6/9/2021.	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.6.11</b>	<b>Xã Hà Châu</b>									
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hà Châu, huyện Hà Trung	9,70	9,70		3,57 0,06 0,49 5,57	ONT DVH DKV DGT	Xã Hà Châu	Trích lục số 195/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 08/3/2022.	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.6.12</b>	<b>Xã Lĩnh Toại</b>									
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trung tâm đô thị Gũ tại xã Lĩnh Toại, huyện Hà Trung	9,35	9,35		9,35	ONT	Xã Lĩnh Toại	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 5, 6 (BDDC Hà Phú cũ).	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.7</b>	<b>Đất công trình giao thông</b>									
1	Đường giao thông thuộc cụm công nghiệp làng nghề Hà Phong mở rộng huyện Hà Trung	1,41	1,41	0,76	0,65	DGT	Thị trấn Hà Trung, Các xã: Hà Đông, Yên Sơn	Các: Trích lục số 297/TLBĐ ngày 5/7/2021; số 297b/ TLBĐ ngày 5/7/2021; số 297a/ TLBĐ ngày 5/7/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung	Nghị quyết số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại xã Hà Lĩnh)-Cụm di tích đền Hàn, Cô Bơ, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	10,61	10,61	6,88	3,73	DGT	Xã Hà Sơn, Thị trấn Hà Lĩnh	Trích lục số 539/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 15/11/2021	Các Nghị quyết: số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/2024; số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đền cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
3	Đường Ba Chi Giang Sơn 10 đi Hồ Sun Chí Phúc	2,90	2,90		2,90	DGT	Xã Hà Sơn	Trích lục số 1149/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 30/8/2022	Các: Nghị quyết 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023; số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
4	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung	9,35	9,35	7,04	2,31	DGT	Thị trấn Hà Trung, xã Yên Sơn	Công trình dạng tuyến	Các Nghị quyết: số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024; số 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
5	Đường giao thông từ khu đô thị Gũ xã Lĩnh Toại đi cầu Báo Văn xã Hà Hải, huyện Hà Trung	12,51	12,51	9,53	2,98	DGT	Các xã: Hà Hải, Lĩnh Toại	Trích lục số 712/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 26/05/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
6	Bê tông hóa tuyến đường giao thông từ Giang Sơn 9 đi Trường Mầm non xã Hà Sơn	1,25	1,25		1,25	DGT	Xã Hà Sơn	Trích lục số 472/TLBĐ do Chi nhánh VPĐK đất đai huyện lập ngày 19/10/2021	Các Nghị quyết: số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
7	Đường giao thông từ xã Hà Tân đi xã Yên Dương huyện Hà Trung	13,40	13,40	4,96	8,44	DGT	Các xã: Hà Tân, Yên Dương	Công trình dạng tuyến	Các Nghị quyết: số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024; số 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
8	Đường giao thông từ trung tâm huyện Hà Trung đến Trung tâm thị xã Bim Sơn	21,09	21,09	14,13	6,96	DGT	Thị trấn Hà Trung, Các xã: Hà Bình, Yên Dương, Hoạt Giang	Trích lục số 790/TLBĐ ngày 01/6/2022; số 813/ TLBĐ ngày 19/5/2022; số 667/ TLBĐ ngày 19/5/2022; số 631/ TLBĐ ngày 16/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện	Các Nghị quyết: số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024; số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
9	Cải tạo nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - Vinh , tuyến đường sắt	0,56	0,56		0,56	DGT	Thị trấn Hà Trung	Công trình dạng tuyến	Quyết định số 1517/QĐ-BGTVT ngày 14/8/2021 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Chuyển tiếp
10	Xây dựng tuyến đường gom, hàng rào ngăn cách để từng bước xóa bỏ lối đi tự mở qua đường sắt trên địa bàn huyện Hà Trung. Hạng mục: Đoạn 1 từ Km 146 + 425 đến Km 146 + 890, chiều dài L=465m và Đoạn 2 từ Km 149 + 205 đến Km 149 + 400, chiều dài L=195m	0,85	0,85	0,67	0,18	DGT	xã Yên Dương, thị trấn Hà Trung	Các: Trích lục số 212/ TLBĐ ngày 02/10/2023; số 213/ TLBĐ ngày 02/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Hà Trung	Các Nghị quyết: số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp



TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
1	Nhà văn hóa thôn Đồng Vườn	0,10	0,10		0,10	DVH	Xã Hà Ngọc	Trích lục số 201/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 24/5/2021	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Nhà Văn hóa thôn Kim Phú Na	0,12	0,12		0,12	DVH	Xã Hà Ngọc	Trích lục số 203/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 24/5/2021	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
3	Nhà văn hóa thôn Hưng Phát, xã Hà Đông	0,40	0,40		0,40	DVH	Xã Hà Đông	Thửa số 56, 57, 58, 59, 75, 76 tờ số 17	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
4	Nhà văn hóa thôn Đô Mỹ, xã Hà Tân	0,30	0,30		0,30	DVH	Xã Hà Tân	Trích lục số 202/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 25/8/2023	Nghị quyết số 475/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.10</b>	<b>Đất xây dựng cơ sở y tế</b>									
1	Đất Y tế xã Hà Ngọc	0,10	0,10		0,10	DYT	Xã Hà Ngọc	Trích lục số 197/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 24/5/2021	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.11</b>	<b>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</b>									
1	Trường trung học cơ sở Lý Thường Kiệt	1,27	1,27	1,18	0,09	DGD	Xã Yên Sơn	Trích lục số 206/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 28/5/2021	Nghị quyết số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Xây dựng Trường Mầm non xã Hà Bắc	0,51	0,51		0,51	DGD	Xã Hà Bắc	Thửa số 836, 855, 856, 857, 868, 869, 870, 904, 905, 957 tờ số 21	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
3	Mở rộng Trường Mầm non Xuân Áng	0,20	0,20		0,20	DGD	Xã Hà Bình	Thửa số 720-820 tờ số 26	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
4	Trường Tiểu học khu B, thôn Đông Trung, xã Hà Bình	2,00	2,00		2,00	DGD	Xã Hà Bình	Thửa số 244, 882, 884, 885 tờ số 25	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp



TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
5	Xây mới Trường Mầm non khu trung tâm hành chính xã Yên Dương	1,26	1,26		1,26	DGD	Xã Yên Dương	Các: Trích lục số 481/TLBĐ ngày 20/10/2021; số 537/ TLBĐ ngày 04/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
6	Trường Trung học cơ sở Hà Đông, xã Hà Đông	0,75	0,75		0,75	DGD	Xã Hà Đông	Thửa số 630-666 tờ số 21	Các Nghị quyết: số 475/NQ-HĐND ngày 14/12/2023; số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
7	Trường Trung học cơ sở Hà Lĩnh	1,00	1,00		1,00	DGD	Thị trấn Hà Lĩnh	Thửa số 464-606 tờ số 28	Nghị quyết số 475/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
1.12	<b>Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt</b>									
1	Mở rộng nghĩa địa Miếu Thành Diệu	3,16	3,16		3,16	NTD	Xã Hà Ngọc	Trích lục số 202/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 24/5/2021	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
1.13	<b>Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên</b>									
1	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (giai đoạn 2) đợt 2	19,60	19,60	10,73	8,91	DDD	Thị trấn Hà Long	Các: Trích lục số 305/TLBĐ ngày 03/6/2021; số 306/ TLBĐ ngày 03/6/2021; số 307/TLBĐ ngày 03/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa	Nghị quyết số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/24 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
1.14	<b>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</b>									
1	Khu trung tâm xã Hà Giang (Hạng mục sân thể thao xã Hà Giang)	0,75	0,75		0,75	DTT	Xã Hà Giang	Trích lục số 1276/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung lập ngày 01/01/2022	Các Nghị quyết: số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023; số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đền cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
<b>1.15</b>	<b>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</b>									
1	Mở rộng Trụ sở UBND thị trấn Hà Trung	0,07	0,07		0,07	TSC	Thị trấn Hà Trung	Thửa số 158, 159, 160, 161, 170, 177 tờ số 40 (BDDC thị trấn Hà Trung cũ).	Nghị quyết số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.16</b>	<b>Đất tôn giáo</b>									
1	Tu bổ tôn tạo chùa Cao tại xã Hà Lĩnh	2,00	2,00		2,00	TON	Thị trấn Hà Lĩnh	Thửa số 1444 tờ số 33	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.17</b>	<b>Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng</b>									
1	Cải tạo mạch vòng trung áp 22kv nối giữ lộ 473 - 476 trạm 100kv Hà Trung	0,09	0,09		0,09	DNL	Thị trấn Hà Trung, các xã: Yên Sơn, Hà Bình, Yên Dương, Hà Tân	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện sau các trạm 110kV Hà Trung, 110kV Bim Sơn, 110kV Nga Sơn, 110kV Núi 1, 110kV tây TP, 110kV Bãi Trành, 110kV Nông Công theo phương án đã chia đa nối (MDMC)	0,02	0,02		0,02	DNL	Xã Hà Châu	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
3	Cải tạo mạch vòng trung áp 22kv trạm 110kv Hà Trung - trạm 110kv Bim Sơn	0,06	0,06		0,06	DNL	Các xã: Hà Giang, Hà Tiến, Hà Tân và Thị trấn Hà Long	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
4	Chống quá, giảm tổn thất lưới điện hạ áp khu vực Bim Sơn - Hà Trung	0,03	0,03		0,03	DNL	Các xã: Hà Bắc, Yên Sơn, Hà Châu, Lĩnh Toại	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 475/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.18</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>									
1	Khu thương mại dịch vụ xã Hà Lĩnh	0,30	0,30		0,30	TMD	Thị trấn Hà Lĩnh	Trích lục số 902/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 05/12/2024	Quyết định số 5127/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	Chuyển tiếp

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
2	Cửa hàng xăng dầu Hà Lĩnh tại xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung	0,23	0,23		0,23	TMD	Thị trấn Hà Lĩnh	Trích lục số 43/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 03/2/2023.	Nghị quyết số 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án	Chuyển tiếp
3	Khu thương mại dịch vụ xã Hà Đông	0,20	0,20		0,20	TMD	Xã Hà Đông	Thửa số 176, 178, 179, 212, 213, 252, 292 tờ số 17	Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung	Chuyển tiếp
4	Cửa hàng xăng dầu Hà Bình	0,20	0,20		0,20	TMD	Xã Hà Bình	Trích lục số 409/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 27/7/2023	Nghị quyết số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.19</b>	<b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>									
1	Nhà máy nước sạch sinh hoạt huyện Hà Trung	2,00	2,00	1,84	0,16	SKC	Thị trấn Hà Trung	Trích lục số 143/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 17/04/2020	Nghị quyết số 558/NQ-HĐND ngày 10/7/24 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
		0,62	0,62		0,62	SKC	Xã Lĩnh Toại	Trích lục số 04/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa lập ngày 05/01/2021	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
		1,00	1,00	0,57	0,43	SKC	Thị trấn Hà Long	Trích lục: số 07/TLB ngày 06/01/2021, số 816/TLB ngày 15/12/2023, số 823/TLB ngày 15/12/2023 do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Khu sản xuất phi nông nghiệp thị trấn Hà Trung	0,28	0,28		0,28	SKC	Thị trấn Hà Trung	Thửa số 3, 15 tờ số 38 (BDDC thị trấn Hà Trung cũ)	Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án	Chuyển tiếp
3	Nhà máy chế tạo thép hình	11,80	11,80		11,80	SKC	Thị trấn Hà Trung	Trích lục số 955/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 21/12/2021	Nghị quyết số 547/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Chuyển tiếp

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
4	Khu sản xuất phi nông nghiệp xã Hà Bắc	1,46	1,46		1,46	SKC	Xã Hà Bắc	Trích lục số 922/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 10/12/2024	Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	Chuyển tiếp
5	Tổ hợp nhà máy chế biến nông sản tại xã Hà Long	3,00	3,00		3,00	SKC	Thị trấn Hà Long	Khu vực đất lâm nghiệp	Nghị quyết số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
6	Mở rộng khu sản xuất và chế biến nông sản tổng hợp Lựu Sương	0,68	0,68		0,68	SKC	Thị trấn Hà Long	Trích lục số 716/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 19/10/2021	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
7	Xây dựng nhà đặt trạm bơm dẫn nước từ sông Hoạt về phục vụ sản xuất cho Nhà máy xi măng Long Sơn	0,05	0,05		0,05	SKC	Xã Hà Vinh	Trích lục số 137/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 06/3/2024	Nghị quyết số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
<b>1.20</b>	<b>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</b>									
1	Cấp phép khai thác mỏ đá sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại khu vực Lam Sơn, xã Hà Vinh	89,80	89,80	15,96	73,84	SKS	Xã Hà Vinh	Mảnh Chinh lý trích đo địa chính số: 01, 02, 03/CLTĐĐC do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung kiểm tra tháng 10/2021	Các Nghị quyết: số 475/NQ-HĐND ngày 14/12/2023; số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tiến	5,54	5,54		5,54	SKS	Xã Hà Tiến	Trích lục số 39/TLBĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa lập ngày 16/01/2025	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Chuyển tiếp
3	Mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân	5,47	5,47		5,47	SKS	Xã Hà Tân	Trích lục số 15/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hoá lập ngày 07/01/2025	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Chuyển tiếp
4	Khai thác mỏ đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung	4,74	4,74	2,61	2,13	SKS	Xã Hà Tân	Thửa số 2 tờ số 39; Bản đồ lâm nghiệp	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
5	Mở rộng khai trường mỏ đá split tại xã Hà Lĩnh	2,81	2,81		2,81	SKS	Thị trấn Hà Lĩnh	Khu vực đất lâm nghiệp	UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Công văn số 7640/UBND-CN ngày 31/7/2015 và Công văn số 8360/UBND-CN ngày 17/7/2018; gia hạn tại Công văn số 1931/UBND-CN ngày 20/02/2019	Chuyển tiếp
6	Khai thác khoáng sản xã Hà Lĩnh	3,00	3,00		3,00	SKS	Thị trấn Hà Lĩnh	Khu vực đất lâm nghiệp	Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt quy hoạch khoáng sản; Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung (diện tích mỏ 3,0 ha); Giấy phép khai thác khoáng sản số 129/GP-UBND ngày 15/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa	Chuyển tiếp
7	Mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường xã Hà Lĩnh	5,58	5,58		5,58	SKS	Thị trấn Hà Lĩnh	Khu vực đất lâm nghiệp	Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung (diện tích 5,58 ha)	Chuyển tiếp
8	Khai thác mỏ đất san lấp và tận thu cát có hàm lượng SiO <sub>2</sub> từ 68,75% đến 75,52% (trung bình 71,98%) tại xã Hà Vinh	8,50	8,50		8,50	SKS	Xã Hà Vinh	Trích lục số 235/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 01/04/2024	Nghị quyết số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định chấp thuận chủ trương số 3594/UBND-CN ngày 04/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương dự án; Quyết định số 5004/QĐ-UBND ngày 28/12/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi đất thực hiện dự án	Chuyển tiếp
9	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hà Đông	5,99	5,99		5,99	SKS	Xã Hà Đông	Trích lục số 486/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 31/5/2024	Các Nghị quyết: số 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024; Nghị quyết số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
10	Mỏ đất san lấp tại xã Hà Sơn	6,00	6,00		6,00	SKS	Xã Hà Sơn	Thửa số 107 tờ số 33; Bản đồ lâm nghiệp	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư	Chuyển tiếp
11	Mỏ san lấp xã Hà Sơn	2,50	2,50		2,50	SKS	Xã Hà Sơn	Trích lục số 47/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 20/01/2024	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Chuyển tiếp
12	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hà Sơn	2,50	2,50		2,50	SKS	Xã Hà Sơn	Trích lục số 672/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa lập ngày 17/10/2023	Các Nghị quyết: số 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024; số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh;	Chuyển tiếp
13	Khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Hà Sơn	9,41	9,41		9,41	SKS	Xã Hà Sơn	Trích lục số 176/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 18/3/2024	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
14	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân	4,16	4,16		4,16	SKS	Xã Hà Tân	Thửa số 90, 93, 116, 135, 147, 157, 342 tờ số 30; Bản đồ lâm nghiệp.	Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Chuyển tiếp
15	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh	11,86	11,86		11,86	SKS	Xã Hà Vinh	Trích lục số 704/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa lập ngày 1/11/2023	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
16	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh	21,60	21,60		21,60	SKS	Xã Hà Vinh	Trích lục số 705/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa lập ngày 1/11/2023	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp
17	Mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại xã Hà Vinh	150,51	150,51	68,41	82,10	SKS	Xã Hà Vinh	Trích lục số 705/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa lập ngày 1/11/2023	Quyết định số 3696/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	
18	Mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại xã Hà Vinh	55,52	55,52		55,52	SKS	Xã Hà Vinh	Trích lục số 705/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa lập ngày 1/11/2023	Giấy phép thăm dò khoáng sản số 374/GPBTNMT ngày 27/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	



TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
1	Cải dịch, hoàn trả tuyến đường Quốc lộ 217B đoạn qua Khu di tích Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long thuộc dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long (giai đoạn 2)	0,14	0,14		0,14	DDD	Thị trấn Hà Long	Trích lục số 12/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Trung lập ngày 28/3/2024	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của HĐND tỉnh	Đăng ký mới
2.5	<b>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</b>									
1	Đầu tư xây dựng Công sở xã Hà Giang, huyện Hà Trung	0,28	0,28		0,28	TSC	Xã Hà Giang	Thửa số 541, 557, 552, 564, 568, 575 tờ số 25	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh	Đăng ký mới
III	<b>Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch</b>									
IV	<b>Các công trình dự án đã thu hồi đất đưa vào để thực hiện giao đất, đấu giá đất</b>									
1	Khu trung tâm Chính trị - Văn hóa - Thể thao (Khu tái định cư và khu dân cư mới xã Yên Dương)	3,25	3,25	3,25		ONT	Xã Yên Dương		Đã giải phóng mặt bằng	
2	Khu dân cư đồng Hàng, tiểu khu 4	0,17	0,17	0,17		ODT	Thị trấn Hà Trung		Đã giải phóng mặt bằng	
3	Dân cư khu Đồng trước	1,20	1,20	1,20		ODT	Thị trấn Hà Lĩnh		Đã giải phóng mặt bằng	
4	Sân thể thao xã Hà Hải	0,81	0,81	0,81		DTT	Xã Hà Hải		Đã giải phóng mặt bằng	
5	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Yên Dương	0,81	0,81	0,81		DTT	Xã Yên Dương		Đã giải phóng mặt bằng	
6	Khu dân cư UBND xã cũ	0,15	0,15	0,15		ONT	Xã Thái Lai (Xã Hà Thái cũ)		Đã giải phóng mặt bằng	
7	Khu trung tâm hành chính VH TT và dân cư xã Hà Vân (thôn Vân Hưng)	0,48	0,48	0,48		ONT	Xã Hoạt Giang		Đã giải phóng mặt bằng	
8	Khu dân cư Đồi (giai đoạn 2)	2,57	2,57	2,57		ODT	Thị trấn Hà Long		Đã giải phóng mặt bằng	
9	Khu dân cư Đồi	0,79	0,79	0,79		ODT	Thị trấn Hà Long		Đã giải phóng mặt bằng	



TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
10	Khu dân cư thôn Kim Hưng, Kim Phát (khu vực 5a)	1,92	1,92	1,92		ONT	Xã Hà Đông		Đã giải phóng mặt bằng	
11	Khu dân cư Đồng Hưng	1,48	1,48	1,48		ONT	Xã Yên Sơn		Đã giải phóng mặt bằng	
12	Chợ Dừa	0,30	0,30	0,30		DCH	Xã Hà Vinh		Đã giải phóng mặt bằng	
13	Trường trung học cơ sở Hà Ngọc	0,96	0,96	0,96		DGD	Xã Hà Ngọc		Đã giải phóng mặt bằng	
14	Chợ Đình Trung xã Yên Dương	0,30	0,30	0,30		DCH	Xã Yên Dương		Đã giải phóng mặt bằng	
15	Khôi phục, tôn tạo chùa Thiên Huống	0,67	0,67	0,67		TON	Xã Hoạt Giang		Đã giải phóng mặt bằng	
16	Khu dân cư Tứ Quý	0,22	0,22	0,22		ONT	Xã Hà Sơn		Đã giải phóng mặt bằng	
17	Điểm xen cư thôn Giang Sơn 9	0,26	0,26	0,26		ONT	Xã Hà Sơn		Đã giải phóng mặt bằng	
18	Điểm dân cư khu Đồng Miên thôn Thanh Trung	0,92	0,92	0,92		ONT	Xã Hoạt Giang		Đã giải phóng mặt bằng	
19	Khu Long Sơn (Khu Tái định cư đường cao tốc Bắc - Nam) xã Hà Tiến	0,05	0,05	0,05		ONT	Xã Hà Tiến		Đã giải phóng mặt bằng	
20	Khu xen cư thôn Phong Vạn	0,37	0,37	0,07		ODT	Thị trấn Hà Trung		Đã giải phóng mặt bằng	
21	Khu dân cư Đồng Vang	0,15	0,15	0,07		ODT	Thị trấn Hà Trung		Đã giải phóng mặt bằng	
22	Khu dân cư Ao Bệnh Viện	0,03	0,03	0,03		ODT	Thị trấn Hà Trung		Đã giải phóng mặt bằng	
23	Xen cư Trường Mầm non Yên Tùng	0,03	0,03	0,03		ONT	Xã Hà Hải		Đã giải phóng mặt bằng	
24	Khu dân cư Đồng giữa thôn 3	0,32	0,32	0,02		ONT	Xã Thái Lai (Xã Hà Lai cũ)		Đã giải phóng mặt bằng	
25	Điểm dân cư nông thôn thôn Bồng Sơn	0,08	0,08	0,02		ONT	Xã Hà Tiến		Đã giải phóng mặt bằng	
26	Khu dân cư nam núi phần	3,92	3,92	3,92		ODT	Thị trấn Hà Trung		Đã giải phóng mặt bằng	
27	Khu dân cư khu trung tâm xã Hà Lai	2,34	2,34	1,94		ONT	Xã Thái Lai (Xã Hà Lai cũ)		Đã giải phóng mặt bằng	
28	Trường Mầm non xã Hà Hải	0,51	0,51	0,51		DGD	Xã Hà Hải		Đã giải phóng mặt bằng	

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
29	Trạm y tế xã Hà Thái	0,09	0,09	0,09		DYT	Xã Thái Lai (Xã Hà Thái cũ)		Đã giải phóng mặt bằng	
30	Khu trung tâm xã Hà Giang (Hạng mục xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trung tâm xã Hà Giang, huyện Hà Trung)	5,34	5,34	0,91		ONT;DHT	Xã Hà Giang		Đã giải phóng mặt bằng	
31	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung để phục vụ dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45 thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam, phía đông giai đoạn 2017-2020,	0,50	0,50	0,50		ODT	Thị trấn Hà Lĩnh		Đã giải phóng mặt bằng	
32	Khu dân cư Mạ Bạc Nương, thôn 2, xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung	0,26	0,26	0,26		ONT	Xã Hà Ngọc		Đã giải phóng mặt bằng	
33	Xây dựng khu trung tâm hành chính xã Hà Ngọc (hạng mục đất ở)	0,34	0,34	0,34		ONT	Xã Hà Ngọc		Đã giải phóng mặt bằng	
34	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật xen cư lô 3 đường TTVH huyện, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung	0,04	0,04	0,04		ODT	Thị trấn Hà Trung		Đã giải phóng mặt bằng	
35	Khu dân cư mới phía Đông thị trấn (phân khu 1)	10,01	10,01	10,01		ONT	Xã Yên Sơn		Đã giải phóng mặt bằng	
36	Khu dân cư mới phía Đông thị trấn (phân khu 2)	10,01	10,01	10,01		ONT	Xã Yên Sơn		Đã giải phóng mặt bằng	
37	Khu dân cư mới phía Đông thị trấn (phân khu 3)	10,00	10,00	10,00		ONT	Xã Yên Sơn		Đã giải phóng mặt bằng	
38	Cụm công nghiệp Hà Dương	19,35	19,35	19,35		SKN	Xã Yên Dương		Đã giải phóng mặt bằng	
39	Xen cư khu cửa trạm y tế	0,23	0,23	0,23		ONT	Xã Hà Hải		Đã giải phóng mặt bằng	
40	Đất ở xen cư khu góc Bàng	0,55	0,55	0,55		ONT	Xã Hà Hải		Đã giải phóng mặt bằng	

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đền cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
41	Khu dân cư mạ Đồng Thông, Thôn Đà Sơn, xã Hà Bắc	0,69	0,69	0,04		ONT	Xã Hà Bắc		Đã giải phóng mặt bằng	
42	Khu dân cư Đồng Vùng	0,43	0,43	0,04		ODT	Thị trấn Hà Trung		Đã giải phóng mặt bằng	
43	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC phục vụ dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích Lăng Miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (Giai đoạn 2)	2,95	2,95	1,04		ODT	Thị trấn Hà Long		Đã giải phóng mặt bằng	
44	Đường dây 500KV NMNĐ Nam Định 1 - Thanh Hóa	1,16	1,16	1,16		DNL	Các xã: Lĩnh Toại; Hà Hải		Đã giải phóng mặt bằng	
45	Đất nông nghiệp khác thị trấn Hà Trung	3,81	3,81	3,81		NKH	Thị trấn Hà Trung		Đã giải phóng mặt bằng	
46	Khu sản xuất phi nông nghiệp xã Hà Bắc	3,52	3,52	3,52		SKC	Xã Hà Bắc		Đã giải phóng mặt bằng	
47	Khu cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xã Hà Bắc	2,67	2,67	2,67		SKC	Xã Hà Bắc		Đã giải phóng mặt bằng	
V	<b>Đấu giá đất nông nghiệp</b>									
1	Đấu giá đất nông nghiệp trên địa bàn xã Hà Giang	3,59	3,59	3,59		HNK	Xã Hà Giang	Thửa số 305, 309, 324, 327, 332, 333, 334, 343, 348, 358, 361, 364, 367, 369, 371, 375, 377, 383, 389, 394, 398, 402, 409, 426, 431, 434, 436, 438, 444, 450, 464, 475, 483, 488 tờ số 25		
VI	<b>Các công trình dự án đề xuất hủy bỏ theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 76 Luật Đất đai năm 2024</b>									
1	Khu đô thị mới Yên Sơn 1	44,60	44,60		44,60	ONT	Xã Yên Sơn		Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Khu dân cư Nhà Thần Lô 2	0,14	0,14		0,14	ONT	Xã Hà Thái		Các Nghị quyết: số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021; số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh	
3	Khu dân cư Chân Sơn	0,40	0,40	0,36	0,04	ONT	Xã Hà Lai		Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
4	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính xã Yên Dương	9,89	9,89	9,80	0,09	DGT	Xã Yên Dương		Nghị quyết số 164 /NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh	
5	Khu trung tâm xã Hà Bình - (thùng đầu ao Gạo giai đoạn 2) - MB1411	0,33	0,33		0,33	ONT	Xã Hà Bình		Các Nghị quyết: số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021; số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh	
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thùng đầu Ao Gạo trung tâm Văn hóa xã Hà Bình	0,96	0,96		0,96	ONT	Xã Hà Bình		Nghị quyết số 164 /NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh	
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại đô thị Cừ, xã Hà Bình, huyện Hà Trung (Vị trí 5)	8,47	8,47	3,30	5,17	ONT	Xã Hà Bình		Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh	
8	Khu dân cư mới Đông Hang (giai đoạn 2)	0,27	0,27		0,27	ONT	Xã Hà Sơn		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh	
9	Bến thủy nội địa (bến hành khách) đên Cô Bơ xã Hà Sơn	0,15	0,15		0,15	DGT	Xã Hà Sơn		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh	
10	Tuyên đường gom khu dân cư mới phía Tây đường sắt xã Yên Dương, huyện Hà Trung	1,88	1,88		1,88	DGT	Xã Yên Dương		Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2021 của HĐND tỉnh	
11	Mở rộng mặt đường, xây dựng mới đường giao thông vào khu trung tâm xã Hà Giang	0,06	0,06		0,06	DGT	Xã Hà Giang		Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
12	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ khu tái định cư đi đến đường 522B	0,89	0,89		0,89	DGT	Xã Hà Lĩnh		Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh	
13	Kè sông Chiếu Bạch	1,30	1,30	1,27	0,03	DTL	Thị trấn Hà Trung; xã Yên Sơn		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh	
14	Mương tiêu nước khu TĐC đường cao tốc đi Hón Bông	0,20	0,20		0,20	DTL	Xã Hà Sơn		Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
15	Đập dâng giữ nước kênh Bông Khê, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung	4,00	4,00		4,00	DTL	Xã Hà Lĩnh		Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đền cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
16	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bể nước chu chuyển xã Hà Lai	0,10	0,10		0,10	DTL	Xã Hà Lai		Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
17	Rãnh thoát nước từ dọc đường y tế xã đi cầu Tứ Quý xã Hà Sơn	0,12	0,12		0,12	DTL	Xã Hà Sơn		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh	
18	Cải tạo mương tiêu Công Ngọc Sơn	0,17	0,17		0,17	DTL	Xã Hà Sơn		Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh	
19	Mở rộng mương tiêu nước trong khu dân cư	0,12	0,12		0,12	DTL	Xã Hà Ngọc		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh	
20	Nâng cấp hồ Đập Ngang	1,23	1,23	0,03	1,21	DTL	Xã Hà Linh			
21	Nhà văn hóa thôn Kim Quan Sơn	0,09	0,09		0,09	DVH	Xã Hà Ngọc		Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh	
22	Tượng đài liệt sỹ xã Yên Dương	0,21	0,21		0,21	DVH	Xã Yên Dương		Nghị quyết số 164 /NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh	
23	Xây dựng hạng mục phụ trợ Nhà văn hóa thôn Nghè Đỏ	0,26	0,26		0,26	DVH	Xã Yên Sơn		Nghị quyết số 164 /NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh	
24	Mở rộng Trường Mầm non xã Hà Thái	0,15	0,15		0,15	DGD	Xã Hà Thái		Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
25	Trường Mầm non Hà Lâm	0,63	0,63		0,63	DGD	Xã Yên Sơn		Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh	
26	Mở rộng chợ Gũ	0,55	0,55		0,55	DCH	Xã Lĩnh Toại		Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
27	Nghĩa trang thôn Vĩnh An	0,40	0,40		0,40	NTD	Xã Hà Sơn			
28	Nghĩa địa Bãi Độ	0,30	0,30		0,30	NTD	Xã Lĩnh Toại			
29	Nghĩa trang thôn Giang Sơn 9 + 10	1,50	1,50		1,50	NTD	Xã Hà Sơn			
30	Khu danh lam thắng cảnh đền Hàn Sơn (Hạng mục: San gạt sân tổ chức lễ hội khu danh lam thắng cảnh Hàn Sơn (Đền Hàn))	0,23	0,23		0,23	DDT	Xã Hà Sơn		Nghị quyết số 164 /NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh	
31	Mở rộng đền Hàn Sơn (Hạng mục khuôn viên theo quy hoạch và kê mái taluy đền Hàn Sơn, xã Hà Sơn)	0,42	0,42		0,42	DDT	Xã Hà Sơn		Nghị quyết số 164 /NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh	
32	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Sân thể dục, thể thao thôn Phú Thọ	0,20	0,20		0,20	DTT	Xã Hà Lai		Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
33	Mở rộng chùa Vĩnh Phúc	3,10	3,10		3,10	TON	Thị trấn Hà Trung, xã Yên Sơn		Các Nghị quyết: số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021; số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
34	Chùa Thiên Khánh	0,50	0,50		0,50	TON	Xã Yên Dương		Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
35	Chùa Quả thôn Đại Thắng	0,05	0,05		0,05	TON	Xã Lĩnh Toại			
36	Khu thương mại dịch vụ	0,05	0,05		0,05	TMD	Xã Hà Sơn			
37	Khu thương mại dịch vụ	1,37	1,37		1,37	TMD	Xã Yên Sơn			
38	Khu thương mại dịch vụ	1,52	1,52		1,52	TMD	Xã Yên Sơn			
39	Khu thương mại dịch vụ	0,60	0,60		0,60	TMD	Xã Hà Lĩnh			
40	Khu thương mại dịch vụ	0,60	0,60		0,60	TMD	Xã Hà Lĩnh			
41	Nhà máy sản xuất đồ gỗ nội thất tổng hợp, cán tôn và vật liệu xây dựng tại cụm công nghiệp làng nghề Hà Phong	4,00	4,00		4,00	SKC	Xã Hà Đông			
42	Nhà máy sản xuất đồ gỗ nội thất tổng hợp, cán tôn và vật liệu xây dựng tại cụm công nghiệp làng nghề Hà Phong	2,85	2,85		2,85	SKC	Xã Hà Đông			
43	Khu sản xuất phi nông nghiệp	1,34	1,34		1,34	SKC	Xã Hà Đông			
44	Khu sản xuất phi nông nghiệp	0,76	0,76		0,76	SKC	Xã Hà Sơn			
45	Khu sản xuất phi nông nghiệp	1,41	1,41		1,41	SKC	Xã Hà Sơn			
46	Khu sản xuất phi nông nghiệp	0,14	0,14		0,14	SKC	Xã Hà Bình			
47	Khu sản xuất phi nông nghiệp	0,60	0,60		0,60	SKC	Xã Hà Tiến			
48	Khu sản xuất phi nông nghiệp	0,60	0,60		0,60	SKC	Xã Hà Tiến			
49	Khu sản xuất phi nông nghiệp	1,50	1,50		1,50	SKC	Xã Hà Tân			
50	Khu sản xuất phi nông nghiệp	0,90	0,90		0,90	SKC	Xã Hà Tân			
51	Khu sản xuất phi nông nghiệp	0,50	0,50		0,50	SKC	Xã Hà Bình			
52	Khu sản xuất phi nông nghiệp	0,05	0,05		0,05	SKC	Xã Hà Hải			
53	Khu sản xuất phi nông nghiệp	3,00	3,00		3,00	SKC	Xã Hà Long			
54	Khu cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,00	3,00		3,00	SKC	Xã Hà Lĩnh			
55	Khu cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,40	1,40		1,40	SKC	Xã Hà Sơn			

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
56	Khu cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	5,99	5,99		5,99	SKC	Xã Hà Sơn			
57	Khu cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,50	1,50		1,50	SKC	Xã Hà Lĩnh			
58	Khu cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,00	1,00		1,00	SKC	Xã Yên Sơn			
59	Mỏ đá bazan làm VLXD thông thường	5,70	5,70		5,70	SKS	Xã Hà Bình			
60	Quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản xã Hà Tân	0,50	0,50		0,50	SKS	Xã Hà Tân			
61	Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu thông thường tại xã Hà Tân	7,01	7,01	3,05	3,96	SKS	Xã Hà Tân			
65	Mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hà Sơn	2,00	2,00		2,00	SKS	Xã Hà Sơn			
63	Mở rộng mỏ đá vôi làm VLXD xã Hà Sơn	4,30	4,30		4,30	SKS	Xã Hà Sơn			
64	Quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản xã Hà Sơn	1,60	1,60		1,60	SKS	Xã Hà Sơn			
65	Quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản xã Hà Sơn	1,50	1,50		1,50	SKS	Xã Hà Sơn			
66	Mở rộng mỏ đá vôi tại xã Hà Đông, Hà Sơn	3,74	3,74		3,74	SKS	Các xã: Hà Đông; Hà Sơn			
67	Mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại xã Hà Vinh	150,51	150,51	68,41	82,10	SKS	Xã Hà Vinh			
68	Mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại xã Hà Vinh	55,52	55,52		55,52	SKS	Xã Hà Vinh			
69	Quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản xã Hà Long	2,70	2,70		2,70	SKS	Xã Hà Long			
70	Quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản xã Hà Sơn	8,00	8,00	5,20	2,80	SKS	Xã Hà Sơn			
71	Mỏ đất san lấp tại xã Hà Đông	3,30	3,30		3,30	SKS	Xã Hà Đông			
72	Quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản xã Hà Vinh	8,00	8,00		8,00	SKS	Xã Hà Vinh			

TT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm xây dựng (Đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
73	Quy hoạch đất nông nghiệp khác xã Hà Long	19,56	19,56		19,56	NKH	Xã Hà Long			
74	Quy hoạch đất nông nghiệp khác xã Hà Tiên	0,60	0,60		0,60	NKH	Xã Hà Tiên			
75	Quy hoạch đất nông nghiệp khác xã Hà Lĩnh	1,20	1,20		1,20	NKH	Xã Hà Lĩnh			
76	Quy hoạch đất nông nghiệp khác xã Hà Sơn	7,70	7,70		7,70	NKH	Xã Hà Sơn			
77	Quy hoạch đất nông nghiệp khác xã Hà Sơn	11,11	11,11		11,11	NKH	Xã Hà Sơn			
78	Quy hoạch đất nông nghiệp khác xã Hoạt Giang	2,53	2,53		2,53	NKH	Xã Hoạt Giang			
79	Quy hoạch đất nông nghiệp khác xã Hà Sơn	8,00	8,00		8,00	NKH	Xã Hà Sơn			
80	Quy hoạch đất nông nghiệp khác xã Hà Tân	5,40	5,40		5,40	NKH	Xã Hà Tân			
81	Quy hoạch đất nông nghiệp khác xã Hà Long	9,65	9,65		9,65	NKH	Xã Hà Long			